

Số: 1231/2026/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 925/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa các đương sự sau:

- *Người yêu cầu*: Bà Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 11/6/1991. Căn cước công dân số 079191005xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/10/2022. Địa chỉ: 373/152/42 K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu*: Ông Lê Quốc C, sinh ngày 19/5/1987. Căn cước công dân số 079087001xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021. Địa chỉ: 256/23/1 (số mới 958/55) L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 17 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L có 01 con chung là Lê Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/3/2011. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Lê Hoàng Tuấn A cho ông Lê Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Hồng L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L phải chịu. Hai bên thỏa thuận bà L chịu toàn bộ lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L có 01 con chung là Lê Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/3/2011.

Hai bên thỏa thuận giao trẻ Lê Hoàng Tuấn A cho ông Lê Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Phạm Thị Hồng L do ông Lê Quốc C không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Lê Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn 300.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà L chịu toàn bộ lệ phí 300.000 đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Phạm Thị Hồng L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006987 ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND KV4.TP.HCM;
- Phòng THADS KV4.TP.HCM;
- UBND phường H, Tp. Hồ Chí Minh
(Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số
103 do UBND phường Q, quận B (cũ)
cấp ngày 17 tháng 7 năm 2010);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu